

Bài 1 : Chức năng của tâm lý học

1. Trong các hiện tượng dưới đây, hiện tượng nào là tâm lý?

Select one:

- ☒ a. Bồn chồn như có hẹn với ai.
- ☐ b. Ăn, ngủ đều kém.
- ☐ c. Thần kinh căng thẳng như dây đàn sắp đứt.
- ☐ d. Tim đập như muốn nhảy ra khỏi lồng ngực.

Đâu không phải là chức năng của các hiện tượng tâm lý người?

2. Đâu không phải là chức năng của các hiện tượng tâm lý người?

Select one:

- ☐ a. Điều chỉnh hoạt động
- ☒ b. Dự đoán hoạt động
- ☐ c. Điều khiển hoạt động
- ☐ d. Định hướng hoạt động

3. Tâm lý người là:

Select one:

- ☐ a. Do não sản sinh ra, tương tự như gan tiết ra mật.
- ☐ b. Do một lực lượng siêu nhiên nào đó sinh ra.
- ☐ c. Cả a, b, c.
- ☒ d. Sự phản ánh hiện thực khách quan vào não người, thông qua lăng kính chủ quan.

4. Muốn biết tâm lý của con người, chủ thể cần nhìn vào “con mắt của người ấy”. Điều đó đúng hay sai?

Select one:

- ☐ a. Điều đó sai.

- ☒ b. Điều đó đúng
- ☐ c. Không có phương án trả lời.
- ☐ d. Có khi đúng, có khi sai.

5. Hiện tượng nào dưới đây cho thấy tâm lý tác động đến sinh lý?

Select one:

- ☐ a. Mắt kém tri giác kém.
- ☒ b. Lo lắng đến mất ngủ.
- ☐ c. Ăn uống đầy đủ giúp cơ thể khỏe mạnh.
- ☐ d. Một môi không minh mẫn.

6. Hiện tượng nào dưới đây cho thấy sinh lý có ảnh hưởng rõ rệt đến tâm lý ?

Select one:

- ☐ a. Lạnh làm run người.
- ☐ b. Buồn rầu làm ngưng trệ tiêu hóa .
- ☒ c. Tuyến nội tiết làm thay đổi tâm trạng.

7. Tâm lý người có nguồn gốc từ:

Select one:

- ☐ a. Hoạt động của cá nhân.
- ☒ b. Thế giới khách quan
- ☐ c. Giao tiếp của cá nhân.
- ☐ d. Não người.

8. Bạn hãy tìm lý do của việc chúng ta không nên tin vào bói toán

Select one:

- ☐ a. Vì đặc điểm tâm lý và đặc điểm sinh lý đồng nhất với nhau

- ☐ b. Vì đặc điểm tâm lý không liên quan chặt chẽ với đặc điểm sinh lý.
- ☐ c. Vì đặc điểm giải phẫu không liên quan chặt chẽ với đặc điểm sinh lý.
- ☐ d. **Vì đặc điểm giải phẫu không liên quan chặt chẽ với đặc điểm tâm lý.**

9. Tâm lý người khác xa so với tâm lý động vật ở chỗ:

Select one:

- ☐ a. Cả a, b, c.
- ☐ b. Có tính chủ thể.
- ☒ c. Có bản chất xã hội và mang tính lịch sử.
- ☐ d. Là kết quả của quá trình phản ánh hiện thực khách quan.

10. Nhân tố tâm lý giữ vai trò cơ bản, có tính quy định trong hoạt động của con người, vì

Select one:

- ☒ a. Cả a, b, c.
- ☐ b. Tâm lý là động lực thúc đẩy con người hoạt động.
- ☐ c. Tâm lý có chức năng định hướng cho hoạt động con người.
- ☐ d. Tâm lý điều khiển, kiểm tra và điều chỉnh hoạt động của con người.

Bài 2 : Bản chất, phân loại các hiện tượng tâm lí người

1. Điều kiện cần và đủ để có hiện tượng tâm lý người là:

Select one:

- ☐ a. Thế giới khách quan tác động vào não.
- ☐ b. Não hoạt động bình thường.
- ☐ c. Có thế giới khách quan và não.
- ☒ d. Thế giới khách quan tác động vào não và não hoạt động bình thường.

2. Phản ánh tâm lý là một loại phản ánh đặc biệt vì:

Select one:

- ☐ a. Tạo ra hình ảnh tâm lý mang đậm màu sắc cá nhân.
- ☐ b. Tạo ra hình ảnh tâm lý mang tính sống động và sáng tạo.
- ☒ c. Cả a, b, c.
- ☐ d. Là sự tác động của thế giới khách quan vào não người.

3. Trong các ý dưới đây, ý nào không phải là cơ sở sinh lí thần kinh của hiện tượng tâm lý cấp cao của người?

Select one:

- ☐ a. Các phản xạ có điều kiện.
- ☐ b. Hoạt động của các trung khu thần kinh.
- ☒ c. Các phản xạ không điều kiện.
- ☐ d. Các quá trình hưng phấn và ức chế thần kinh.

4. Những đứa trẻ do động vật nuôi từ nhỏ không có được tâm lý người vì:

Select one:

- ☐ a. Môi trường sống quy định bản chất tâm lý người.
- ☒ b. Các mối quan hệ xã hội quy định bản chất tâm lý người.
- ☐ c. Cả a, b, c.
- ☐ d. Các dạng hoạt động và giao tiếp quy định trực tiếp sự hình thành tâm lý người.

5. Hình ảnh tâm lý mang tính chủ thể được cắt nghĩa bởi:

Select one:

- ☒ a. Tính tích cực hoạt động của cá nhân khác nhau

- ☐ b. Những đặc điểm riêng về hệ thần kinh, hoàn cảnh sống và tính tích cực hoạt động của cá nhân
- ☐ c. Sự phong phú của các mối quan hệ xã hội.
- ☐ d. Sự khác nhau về môi trường sống của cá nhân

6. Tác động của tập thể đến nhân cách thông qua:

Select one:

- ☐ a. Hoạt động cùng nhau.
- ☐ b. Cả a, b và c.
- ☐ c. Truyền thống tập thể và bầu không khí tập thể
- ☐ d. Dư luận tập thể.

7. Hiện tượng nào dưới đây là trạng thái tâm lý ?

Select one:

- ☒ a. Căng thẳng
- ☐ b. Lạnh lạnh
- ☐ c. Nhạy cảm
- ☐ d. Yêu đời

8. Trong các tình huống dưới đây, đâu là quá trình tâm lý

Select one:

- ☐ a. Cô ta do dự trước quyết định học thêm Pháp văn hay không?
- ☐ b. Chị ấy luôn thích thú học môn thể dục thẩm mỹ
- ☒ c. Minh thoáng thấy một vật gì đó đỏ lóe qua
- ☐ d. Tôi chăm chú nghe giảng bài

9. Những hiện tượng dưới đây, hiện tượng nào là thuộc tính tâm lý?

Select one:

- ☐ a. Giải bài tập
- ☐ b. Nghe và nghĩ về những điều thầy giảng
- ☐ c. Chăm chú ghi chép bài
- ☒ d. Trung thực, không quay cốp khi làm bài thi

10. Hiện tượng nào dưới đây là ý thức

Select one:

- ☐ a. Hôm nay, khi uống rượu say Minh đã nói ra nhiều điều tâm sự mà trước đây chính Minh còn rất mơ hồ.
- ☐ b. Một đứa trẻ khỏe mạnh thì ngay sau khi sinh đã nắm chặt ngón tay của người lớn hoặc cái bút chì nếu những vật đó chạm vào lòng bàn tay nó
- ☒ c. Một học sinh quyết định thi vào trường Sư phạm và giải thích rằng vì em đó rất yêu trẻ.
- ☐ d. Trên lớp, một học sinh làm tính nhân một cách nhanh chóng và chính xác mà không hề nhớ tới các qui tắc của phép nhân.

Kiểm tra trắc nghiệm bài chú ý

- 1. Chú ý là sự tập trung của ý thức vào một nhóm sự vật hiện tượng để định hướng hoạt động, đảm bảo điều kiện thần kinh- tâm lý cần thiết cho hoạt động tiến hành có hiệu quả. Các thuộc tính cơ bản của chú ý gồm:**

Select one:

- ☐ a. Sự tập trung của chú ý, sự bền bỉ của chú ý, sự phân phối chú ý và sự di chuyển chú ý
- ☐ b. Sức tập trung của chú ý, sự bền vững của chú ý, sự phân tán chú ý và sự di chuyển chú ý

- ☐ c. Sự tập trung của chú ý, sự bền bỉ của chú ý, sự phân tán chú ý và sự di chuyển chú ý
- ☒ d. Sức tập trung của chú ý, sự bền vững của chú ý, sự phân phối chú ý và sự di chuyển chú ý

2. Hãy chỉ ra điều kiện nào là cần thiết để làm nảy sinh và duy trì sự chú ý có chủ định trong các ý dưới đây:

Select one:

- ☐ a. Độ mới lạ của kích thích
- ☐ b. Sử dụng các tâm thế đang có ở chủ thể
- ☒ c. Xác định nhiệm vụ cần thực hiện để đạt mục đích tự giác
- ☐ d. Sự tương phản của tác nhân kích thích

3. Có những ý kiến cho rằng: “Một người có chú ý là người trong khi nói chuyện anh ta vẫn nhìn và nghe tất cả những gì xảy ra xung quanh mình”. Ý kiến trên đã đề cập đến thuộc tính nào của chú ý?

Select one:

- ☐ a. Sự tập trung chú ý
- ☐ b. Sự di chuyển chú ý
- ☐ c. Sự phân tán chú ý
- ☒ d. Sự phân phối chú ý

4. Để làm tốt bài tập tiểu luận môn Tâm lý học ứng dụng, Hoa buộc phải tìm đọc cuốn sách “Tư duy nhanh và chậm” của Daniel Kahneman. Tuy nhiên, mới chỉ đọc được vài chục trang, Hoa đã bị cuốn hút vào đọc sách tới mức quên ăn, quên ngủ. Hiện tượng đọc sách của Hoa thể hiện loại chú ý nào dưới đây?

Select one:

- ☐ a. Chú ý sau chủ động
- ☐ b. Chú ý có chủ định

- ☐ c. Chú ý có sự chủ động
- ☒ d. Chú ý sau chủ định

5. Các nhà quảng cáo thường dùng những tấm biển khổ lớn với màu sắc nổi bật đặt tại những nơi đông người qua lại là nhằm vào loại chú ý nào của con người?

Select one:

- ☒ a. Chú ý không chủ định
- ☐ b. Chú ý không có ý thức
- ☐ c. Chú ý có chủ định
- ☐ d. Chú ý có ý thức

6. Để học tập và làm việc hiệu quả, các chuyên gia tâm lý khuyên mọi người nên sắp xếp chỗ ngồi gọn gàng ngăn nắp ít đồ vật lạ nhằm tránh:

Select one:

- ☐ a. Sự di chuyển chú ý
- ☐ b. Sự tập trung chú ý
- ☒ c. Sự phân tán chú ý
- ☐ d. Sự phân phối chú ý

7. Trong quảng cáo sản phẩm mới, để thu hút sự chú ý của người dùng đến sản phẩm, các nhà thiết kế quảng cáo thường quan tâm đến yếu tố nào dưới đây:

Select one:

- ☐ a. Độ tinh xảo của sản phẩm
- ☒ b. Độ mới lạ, độc đáo
- ☐ c. Độ thông dụng của sản phẩm
- ☐ d. Độ đặc biệt của sản phẩm

8. Loại chú ý nào dưới đây không cần sự nỗ lực của bản thân?

Select one:

- ☐ a. Chú ý trong khi có chủ định
- ☒ b. Chú ý không chủ định
- ☐ c. Chú ý sau khi có chủ định
- ☐ d. Chú ý thiếu chủ định

9. Để đạt hiệu suất lao động, nâng cao chất lượng làm việc, con người cần có phẩm chất chú ý quan trọng nào trong những phẩm chất sau đây?

Select one:

- ☐ a. Tính tập trung của chú ý
- ☐ b. Tính phân phối của chú ý
- ☒ c. Tính bền vững của chú ý
- ☐ d. Tính di chuyển của chú ý

10. Trong câu chuyện lịch sử anh hùng dân tộc Phạm Ngũ Lão ngồi đan sọt giữa đường vì mãi nghĩ việc nước mà không hề biết có đám lính dẹp đường đi qua. Đến khi bị anh lính xiên mũi giáo vào đùi làm chảy máu, ông mới giật mình ngẩng lên nhìn. Hình ảnh Phạm Ngũ Lão trong câu chuyện minh họa cho thuộc tính nào của sự chú ý?

Select one:

- ☒ a. Sức tập trung chú ý
- ☐ b. Sự di chuyển chú ý
- ☐ c. Sự phân phối chú ý
- ☐ d. Sự bền vững của chú ý

Bài 3 : Kiểm tra quá trình cảm giác

1. Cảm giác là một quá trình phản ánh những thuộc tính như thế nào của sự vật và hiện tượng?

Select one:

- ☒ a. Riêng lẻ thuộc tính bề ngoài
- ☐ b. Mỗi liên hệ mang tính quy luật
- ☐ c. Trộn vụn thuộc tính bề ngoài
- ☐ d. Mỗi liên hệ mang tính bản chất

2. Sau khi tiếp nhận kích thích, cơ quan thị giác đưa thông tin lên não bộ dưới dạng xung thần kinh nào sau đây?

Select one:

- ☐ a. Phản ứng hóa học
- ☐ b. Sóng âm thanh
- ☒ c. Sóng ánh sáng
- ☐ d. Áp lực, nhiệt độ

3. Cảm giác là loại hiện tượng tâm lý nào sau đây?

Select one:

- ☐ a. Trạng thái tâm lý
- ☐ b. Tất cả các đáp án trên
- ☐ c. Thuộc tính tâm lý
- ☒ d. Quá trình tâm lý

4. Loại cảm giác nào sau đây thuộc nhóm cảm giác bên ngoài?

Select one:

- ☐ a. Cảm giác về nhiệt độ cơ thể
- ☐ b. Cảm giác đau của cơ thể
- ☒ c. Cảm giác nén
- ☐ d. Cảm giác về chuyển động của khớp và cơ của cơ thể

5. **Cảm giác nào sau đây liên quan đến việc duy trì cân bằng cơ thể của con người?**

Select one:

- ☐ a. Cảm giác đau
- ☐ b. Cảm giác nhiệt độ cơ thể
- ☒ c. Cảm giác thăng bằng
- ☐ d. Cảm giác phối hợp giữa cơ và khớp của cơ thể

6. **Cách hiểu nào sau đây đúng với ngưỡng cảm giác?**

Select one:

- ☐ a. Ngưỡng cảm giác không thay đổi trong cuộc sống
- ☒ b. Ngưỡng cảm giác là giới hạn mà ở đó kích thích gây được cảm giác
- ☐ c. Mỗi giác quan ứng với một loại kích thích nhất định có ngưỡng cảm giác như nhau ở tất cả mọi người
- ☐ d. Tất cả đáp án trên

7. **Ngưỡng cảm giác sai biệt được hiểu là**

Select one:

- ☒ a. Mức độ chênh lệch tối thiểu về cường độ của các kích thích để phân biệt được chúng
- ☐ b. Cường độ kích thích tối đa gây ra được cảm giác
- ☐ c. Cường độ kích thích tối thiểu gây ra được cảm giác

☐ d. Mức độ chênh lệch tối đa về cường độ các kích thích để phân biệt được chúng

8. **Phát biểu sau đây là biểu hiện của quy luật cảm giác nào? " Một cảm giác có thể thay đổi tính nhạy cảm do sự ảnh hưởng của một cảm giác khác"**

Select one:

- ☐ a. Quy luật ngưỡng sai biệt
- ☐ b. Quy luật thích ứng
- ☐ c. Quy luật ngưỡng cảm giác
- ☒ d. Quy luật tác động qua lại

9. **Khi ta đi từ chỗ sáng vào chỗ tối, lúc đầu ta không nhìn thấy gì, sau mới thấy rõ. Hiện tượng này là do độ nhạy cảm của cảm giác nhìn:**

Select one:

- ☒ a. Tăng
- ☐ b. Không thay đổi
- ☐ c. Giảm
- ☐ d. Tất cả đáp án trên

10. **Ăn mãi một món dù ngon đến đâu cũng thấy bình thường. Đó là do quy luật nào của cảm giác quy định?**

Select one:

- ☐ a. Thích nghi
- ☐ b. Ngưỡng cảm giác
- ☐ c. Tác động qua lại
- ☒ d. Thích ứng

Bài 4 : Kiểm tra quá trình tri giác

1. Tri giác là một quá trình phản ánh những thuộc tính như thế nào của sự vật và hiện tượng?

Select one:

- ☐ a. Mỗi liên hệ mang tính bản chất
- ☒ b. Trộn vụn thuộc tính bề ngoài
- ☐ c. Mỗi liên hệ mang tính quy luật
- ☐ d. Riêng lẻ thuộc tính bề ngoài

2. “Hình ảnh trực quan mà tri giác đem lại bao giờ cũng thuộc về một sự vật hiện tượng nhất định nào đó của thế giới bên ngoài” là biểu hiện của quy luật tri giác nào?

Select one:

- ☐ a. Tính lựa chọn
- ☒ b. Tính đối tượng
- ☐ c. Tính lựa chọn
- ☐ d. Tính ổn định

3. Phản ánh một vài đối tượng nào đó trong vô số những sự vật, hiện tượng xung quanh là biểu hiện của quy luật tri giác nào?

Select one:

- ☐ a. Tính ý nghĩa
- ☐ b. Tính ổn định
- ☒ c. Tính lựa chọn
- ☐ d. Tổng giác

4. Khả năng phản ánh sự vật một cách không đổi khi điều kiện tri giác bị thay đổi” là biểu hiện của quy luật tri giác nào?

Select one:

- ☒ a. Tính ổn định

- ☐ b. Tính ý nghĩa
- ☐ c. Tổng giác
- ☐ d. Ảo ảnh tri giác

5. **Sự phản ánh sai lệch các sự vật, hiện tượng một cách khách quan của con người” là biểu hiện của quy luật tri giác nào?**

Select one:

- ☐ a. Tính lựa chọn
- ☐ b. Tính đối tượng
- ☒ c. Ảo ảnh tri giác
- ☐ d. Tổng giác

6. **Tri giác chịu ảnh hưởng nội dung của đời sống tâm lý con người, vào đặc điểm nhân cách của họ” là biểu hiện của quy luật tri giác nào?**

Select one:

- ☐ a. Tính ý nghĩa
- ☒ b. Tổng giác
- ☐ c. Tính ý nghĩa
- ☐ d. Ảo ảnh tri giác

7. **Các chỉ dẫn và ghi chú đầy đủ ở các thiết bị máy móc hoặc đồ dùng trong sinh hoạt được ứng dụng quy luật gì trong tri giác ?**

Select one:

- ☐ a. Quy luật trọn vẹn
- ☐ b. Quy luật lựa chọn
- ☐ c. Qui luật tính đối tượng
- ☒ d. Quy luật tính ý nghĩa

8. **Hãy giải thích việc giáo viên dùng bút đỏ để chấm bài là ứng dụng qui luật nào của tri giác?**

Select one:

- ☐ a. Quy luật tính ý nghĩa
- ☐ b. Quy luật tính tổng giác
- ☒ c. Quy luật tính lựa chọn
- ☐ d. Quy luật ảo ảnh tri giác

9. **Các nhà thiết kế thời trang khuyên rằng: Với người gầy nên mặc trang phục có đường kẻ ngang và với những người béo nên chọn trang phục có họa tiết kẻ sọc hoặc kẻ dọc. Lời khuyên được đề xuất dựa trên quy luật nào của tri giác?**

Select one:

- ☒ a. Ảo ảnh tri giác
- ☐ b. Tính ổn định
- ☐ c. Tính có ý nghĩa
- ☐ d. Tổng giác

10. **Hiện tượng tổng giác thể hiện nội dung nào sau đây?**

Select one:

- ☐ a. Tri giác phụ thuộc vào đặc điểm của đối tượng tri giác
- ☐ b. Tri giác phụ thuộc vào tính ổn định của hình ảnh tri giác
- ☒ c. Tri giác phụ thuộc vào nội dung đời sống tâm lý của con người
- ☐ d. Tất cả đáp án trên

Kiểm tra trắc nghiệm bài trí nhớ

1. Theo cách phân loại của Atkinson & Shiffrin (1968), trí nhớ bao gồm:

Select one:

- ☐ a. Trí nhớ ngắn hạn và trí nhớ dài hạn
- ☐ b. Trí nhớ giác quan và trí nhớ ngắn hạn
- ☒ c. Trí nhớ giác quan, trí nhớ ngắn hạn và trí nhớ dài hạn
- ☐ d. Trí nhớ giác quan và trí nhớ dài hạn

2. Bộ nhớ nào trực tiếp nhận và lưu trữ thông tin tạm thời từ các sự kiện bên ngoài:

Select one:

- ☐ a. Trí nhớ dài hạn
- ☒ b. Trí nhớ giác quan
- ☐ c. Trí nhớ ngắn hạn
- ☐ d. Tất cả các bộ nhớ

3. Những gì chúng ta nhìn thấy sẽ được trí nhớ giác quan lưu giữ trong khoảng thời gian bao lâu?

Select one:

- ☐ a. Trên 8 đến 10 giây
- ☒ b. Từ 0,5 đến 2 giây
- ☐ c. Từ 6 đến 8 giây
- ☐ d. Từ 4 đến 6 giây

4. Bộ nhớ nào có khả năng lưu giữ thông tin gần như không giới hạn?

Select one:

- ☐ a. Tất cả các bộ nhớ
- ☒ b. Trí nhớ dài hạn
- ☐ c. Trí nhớ giác quan

- ☐ d. Trí nhớ ngắn hạn

5. Phát biểu nào không là đặc trưng của trí nhớ dài hạn?

Select one:

- ☐ a. Các kí ức dài hạn được kích hoạt lại và diễn tập trong giấc ngủ.
- ☐ b. Trí nhớ dài hạn có khả năng lưu giữ thông tin gần như không giới hạn
- ☐ c. Những ký ức được truy cập thường xuyên trở nên mạnh mẽ hơn và dễ nhớ hơn
- ☒ d. Các trải nghiệm được lưu giữ ở trạng thái cố định vĩnh viễn

6. Khi bạn ở trong một cuộc hội thoại tiếng Anh, bạn sẽ cần nhớ đủ nội dung của mỗi câu để hiểu những gì họ nói và quyết định cách trả lời tốt nhất. Những câu hội thoại tiếng Anh được lưu giữ chủ yếu tại:

Select one:

- ☒ a. Trí nhớ ngắn hạn
- ☐ b. Trí nhớ giác quan
- ☐ c. Tất cả bộ nhớ
- ☐ d. Trí nhớ dài hạn

7. Theo mô hình của Baddeley và Hitch (1974), trí nhớ làm việc là sự diễn giải rõ hơn bộ nhớ nào dưới đây:

Select one:

- ☐ a. Tất cả bộ nhớ
- ☐ b. Trí nhớ dài hạn
- ☐ c. Trí nhớ giác quan
- ☒ d. Trí nhớ ngắn hạn

8. Bộ nhớ làm việc bao gồm:

Select one:

- ☐ a. Trí nhớ giác quan, bộ điều hành trung tâm và vòng lặp âm vị
- ☐ b. Trí nhớ giác quan, bộ điều hành trung tâm và bộ phác họa không gian trực quan
- ☒ c. Bộ điều hành trung tâm, vòng lặp âm vị và bộ phác họa không gian trực quan
- ☐ d. Trí nhớ giác quan, bộ điều hành trung tâm và trí nhớ dài hạn

9. Khi bạn đang nhớ lại ngôi nhà của mình và xác định xem có bao nhiêu cửa sổ phía trước ngôi nhà của bạn. Hình ảnh ngôi nhà chủ yếu được xử lý tại:

Select one:

- ☐ a. Tất cả đáp án trên
- ☒ b. Bộ phác họa không gian trực quan
- ☐ c. Bộ điều hành trung tâm
- ☐ d. Vòng lặp âm vị

10.Đâu là thứ tự đúng của các cấp độ nhận thức tình huống?

Select one:

- ☐ a. Hiểu biết tình huống => tri giác các thành tố trong môi trường => dự liệu tình hình tương lai
- ☐ b. Tri giác các thành tố trong môi trường => dự liệu tình hình tương lai => hiểu biết tình huống
- ☒ c. Tri giác các thành tố trong môi trường => hiểu biết tình huống => dự liệu tình hình tương lai
- ☐ d. Dự liệu tình hình tương lai => tri giác các thành tố trong môi trường => hiểu biết tình huống

